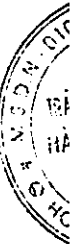


BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06 - 38
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 38

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28/12/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/03/2005 và thay đổi lần thứ 19 ngày 03/03/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thuý Huyền	Chủ tịch	
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên	
Ông Lê Vinh Việt	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)
Ông Phạm Tiến Đạt	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Thanh Bình	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15/02/2022)
Ông Lê Vinh Việt	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 15/02/2022)
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2022)
Ông Phạm Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 05/05/2022)
Ông Cao Tiến Lam Giang	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 20/03/2022)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 12/05/2022)
Bà Trương Mỹ Hạnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 12/05/2022)
Ông Đỗ Quang Thuận	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)
Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 13/07/2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trần Thị Thanh Bình

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022



Số: 290822.030/BCTC.KT5

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam được lập ngày 15/08/2022, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Tại thuyết minh số 11 - "Chi phí trả trước dài hạn" Công ty đang theo dõi "Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN" với số tiền là 32.511.250.000 VND. Đây là phần giá trị còn lại của giao dịch Công ty mua lại 20% vốn góp của ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group) từ năm 2010 với giá trị là 77.022.500.000 VND. Công ty đã xác định tổn thất và ghi nhận vào các Báo cáo tài chính từ năm 2016 trở về trước với số tiền lũy kế là 44.511.250.000 VND. Chúng tôi không có đủ các tài liệu thích hợp để có thể đánh giá xem phần giá trị còn lại này đã tổn thất hết hay chưa và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty.

Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi đối với khoản tiền 11.347.160.000 VND mà Công ty đã đặt cọc cho Công ty TNHH Phong Thịnh liên quan đến hợp đồng Dây chuyền tuyển nổi quặng đồng số 09/2010 ngày 08/09/2010 và các phụ lục có liên quan (Thuyết minh số 8(2)). Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục Dự phòng phải thu khó đòi và các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty hay không.

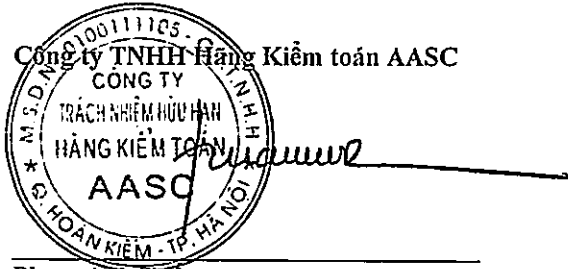
Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào đồng thời chưa xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty này trị giá 4.200.500.000 VND. Chúng tôi không có đủ các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đính kèm.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2022. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các Báo cáo tài chính này.

Vấn đề khác

Báo cáo soát xét riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến và từ chối đưa ra kết luận đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 27/08/2021 và ngày 14/03/2022



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		240.891.148.625	276.251.321.908
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.061.183.969	5.230.701.390
111	1. Tiền		1.196.138.318	2.961.122.384
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.865.045.651	2.269.579.006
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		34.951.200.108	85.824.846.714
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.957.434.016	53.150.398.956
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.170.271.674	17.400.836.340
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	56.500.000.000	55.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	21.349.050.318	21.299.167.318
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
140	III. Hàng tồn kho	10	184.363.251.224	182.722.101.741
141	1. Hàng tồn kho		184.363.251.224	182.722.101.741
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.515.513.324	2.473.672.063
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.325.835.782	2.239.081.851
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	189.677.542	234.590.212

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		272.573.986.482	278.691.227.383
220	I. Tài sản cố định		618.322.200	3.500.911.253
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	618.322.200	3.500.911.253
222	- Nguyên giá		6.177.415.112	16.958.473.513
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.559.092.912)	(13.457.562.260)
230	II. Bất động sản đầu tư	13	6.589.229.708	6.664.967.708
231	- Nguyên giá		6.765.951.708	6.765.951.708
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(176.722.000)	(100.984.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	14	4.361.588.849	4.356.548.561
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.361.588.849	4.356.548.561
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	228.236.386.441	228.236.386.441
251	1. Đầu tư vào công ty con		9.060.000.000	211.393.080.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		236.803.080.000	34.470.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.200.500.000	6.200.500.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(23.827.193.559)	(23.827.193.559)
260	V. Tài sản dài hạn khác		32.768.459.284	35.932.413.420
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	32.768.459.284	35.932.413.420
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		513.465.135.107	554.942.549.291

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		254.378.453.659	312.388.518.571
310	I. Nợ ngắn hạn		239.704.249.455	297.514.314.367
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	59.433.050.347	81.099.871.452
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	176.262.969.166	178.253.119.000
314	3. Phải trả người lao động		170.357.615	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	95.773.370
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.577.255.342	10.517.073.605
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	-	27.282.659.955
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		260.616.985	265.816.985
330	II. Nợ dài hạn		14.674.204.204	14.874.204.204
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15	10.309.408.204	10.309.408.204
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	664.796.000	664.796.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	3.700.000.000	3.900.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		259.086.681.448	242.554.030.720
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	259.086.681.448	242.554.030.720
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		59.696.774.500	59.696.774.500
415	3. Cổ phiếu quỹ		(21.118.002.077)	(21.118.002.077)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		23.897.888.303	23.897.888.303
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.232.251.900	4.232.251.900
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(7.622.231.178)	(24.154.881.906)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(24.154.881.906)	(15.659.480.706)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		16.532.650.728	(8.495.401.200)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		513.465.135.107	554.942.549.291

Nguyễn Thị Hoa Vinh
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa Vinh
 Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2022	năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.669.118.049	44.041.170.373
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.669.118.049	44.041.170.373
11	3. Giá vốn hàng bán	23	1.804.105.256	40.213.348.857
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(134.987.207)	3.827.821.516
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24	16.160.504.281	119.724.717
22	6. Chi phí tài chính	25	297.711.721	472.639.516
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		297.711.721	472.639.516
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.148.103.414	2.494.398.943
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.579.701.939	980.507.774
31	9. Thu nhập khác	27	9.047.611.186	42.039.313
32	10. Chi phí khác	28	5.094.662.397	35.599.739
40	11. Lợi nhuận khác		3.952.948.789	6.439.574
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.532.650.728	986.947.348
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		16.532.650.728	986.947.348

Nguyễn Thị Hoa Vinh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa Vinh
Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16.532.650.728	986.947.348
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(19.157.507)	1.815.561.109
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		402.834.638	1.504.685.623
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(719.703.866)	(161.764.030)
06	- Chi phí lãi vay		297.711.721	472.639.516
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.513.493.221	2.802.508.457
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		53.331.805.345	4.427.475.616
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.641.149.483)	(781.315.218)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(30.525.580.957)	(16.605.371.673)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.163.954.136	11.318.130
14	- Tiền lãi vay đã trả		(294.335.721)	(472.639.516)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.200.000)	(10.800.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.542.986.541	(10.628.824.204)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(5.040.288)	(5.760.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.823.000.000	1.852.297.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.500.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		452.196.281	85.469.584
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.770.155.993	1.932.007.493
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		400.000.000	24.004.572.264
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(27.882.659.955)	(39.136.145.210)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(27.482.659.955)	(15.131.572.946)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		14.830.482.579	(23.828.389.657)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.230.906.390	33.785.111.086
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	20.861.183.969	9.956.721.429

Nguyễn Thị Hoa Vinh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa Vinh
Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28/12/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/03/2005 và thay đổi lần thứ 19 ngày 03/03/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 23 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 53 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng các Công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 100KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản
- Các hoạt động khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Theo công văn số 1028/TB-SGDHN ngày 09/08/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo về việc hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (MCK: PHH) thì Cổ phiếu đang lưu hành của công ty với số lượng 20.000.000 cổ phiếu với giá trị 200.000.000.000 VND chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần (Trong đó: số lượng cổ phiếu lưu hành 18.100.000 cổ phiếu, cổ phiếu quỹ là 1.900.000 cổ phiếu). Đến thời điểm 30/06/2022, cổ phiếu Công ty vẫn bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM.

Trong kỳ Công ty không còn doanh thu về hoạt động xây lắp như năm trước mà chỉ còn phát sinh doanh thu dịch vụ, ngoài ra Công ty đã chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí cho các cổ đông khác do đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; giá vốn hàng bán kỳ này giảm mạnh và doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh so với cùng kỳ. Công ty đang chuyển hướng sang cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, dịch vụ vận hành tại các toà nhà để tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản trong đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty con, công ty, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm

2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
--------------------------	--------

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Khoản tồn thất do khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HDCN giữa Công ty và ông Nguyễn Tất Lạc chờ phân bổ.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty phải bán ra ngay sau khi mua lại đối với các cổ phiếu sau:

- Cổ phiếu mua lại để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ;
- Cổ phiếu lẻ mua lại theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Cổ phiếu lô lẻ mua lại theo yêu cầu của cổ đông.

b) Công ty không được mua lại cổ phiếu quỹ của chính mình cho đến khi hoàn thành việc xử lý cổ phiếu quỹ đã mua từ trước thời điểm Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021. Cổ phiếu quỹ Công ty đã mua trước đây được bán hoặc dùng cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thương theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản trên.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

- b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23. Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chủ yếu diễn ra tại khu vực miền Bắc Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	854.896.088	855.666.590
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	341.242.230	2.105.455.794
Các khoản tương đương tiền (i)	18.865.045.651	2.269.579.006
	<u>20.061.183.969</u>	<u>5.230.701.390</u>

- (i) Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 18.865.045.651 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội với lãi suất từ 3%/năm đến 3,3%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Mã chứng khoán	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	9.060.000.000		-	211.393.080.000		-
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	9.060.000.000		-	9.060.000.000		-
- Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí ⁽ⁱ⁾	-		-	202.333.080.000		-
Đầu tư vào Công ty liên kết	236.803.080.000		(23.827.193.559)	34.470.000.000		(23.827.193.559)
- Công ty Cổ phần Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	34.470.000.000		(23.827.193.559)	34.470.000.000		(23.827.193.559)
- Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí ⁽ⁱ⁾	202.333.080.000		-	-		-
Các khoản đầu tư khác	6.200.500.000		-	6.200.500.000		-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	4.200.500.000		-	4.200.500.000		-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Quảng Ninh	2.000.000.000		-	2.000.000.000		-
	252.063.580.000		(23.827.193.559)	252.063.580.000		(23.827.193.559)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

- (i) Theo Nghị quyết số 03/2022/NQ - ĐHĐCĐ thường niên ngày 06/04/2022, Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí đã tăng vốn chủ sở hữu từ 246 tỷ VND lên 706 tỷ VND bằng hình thức chào bán cho các cổ đông hiện hữu. Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã nhượng quyền mua cổ phần tại công ty con này cho các cá nhân khác với giá chuyển nhượng 15.708.308.000 VND (Xem thuyết minh 24). Tại ngày 30/06/2022 tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí là 22,25% và được xác định là Công ty liên kết.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Hà Nội	75,50%	75,50%	Xây lắp

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	Bắc Ninh	33,53%	33,53%	Sản xuất và Kinh doanh các loại gạch trung áp
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí (i)	Hà Nội	22,25%	22,25%	Kinh doanh Bất động sản

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	Nghệ An	19,05%	19,05%	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Quảng Ninh	Quảng Ninh	19,96%	19,96%	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Constrexim	-	-	38.820.296.160	-
Công ty CP Hancorp	-	-	9.642.718.584	-
Công ty CP Constrexim Bắc Hà	903.978.486	-	825.365.260	-
Các đối tượng khác	3.053.455.530	-	3.862.018.952	-
	3.957.434.016	-	53.150.398.956	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty CP Hancorp	1.780.746.126	-	5.091.919.840	-
Công ty CP Aluking quốc tế	4.565.601.794	-	4.565.601.794	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trung Tín	1.342.228.458	-	996.228.458	-
Các đối tượng khác	6.481.695.296	-	6.747.086.248	-
	<u>14.170.271.674</u>	<u>-</u>	<u>17.400.836.340</u>	<u>-</u>
b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	<u>1.146.368.729</u>	<u>-</u>	<u>1.312.323.181</u>	<u>-</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (1)	55.000.000.000	(55.000.000.000)	55.000.000.000	(55.000.000.000)
Ông Hà Anh Quang (2)	1.500.000.000	-	-	-
	<u>56.500.000.000</u>	<u>(55.000.000.000)</u>	<u>55.000.000.000</u>	<u>(55.000.000.000)</u>

⁽¹⁾ Là khoản cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012.

⁽²⁾ Là khoản cho ông Hà Anh Quang vay theo Hợp đồng cho vay số 26042022/HDCVT ngày 26/04/2022 với thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 26/04/2022 và phụ lục số 01 ngày 26/05/2022 với thời hạn vay là 05 tháng.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về tiền tạm ứng	8.050.000	-	-	-
Dự thu lãi cho vay Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	(6.025.555.900)	6.025.555.900	(6.025.555.900)
Phải thu khác	15.315.444.418	-	15.273.611.418	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (1)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
- Công ty TNHH Phong Thịnh (2)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
- Các đối tượng khác	531.354.428	-	489.521.428	-
	21.349.050.318	(6.025.555.900)	21.299.167.318	(6.025.555.900)

⁽¹⁾ Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của Dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC-PVCHH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

⁽²⁾ Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây chuyền tuyển nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010 và Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 22/03/2011 chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng.

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-
	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	184.363.251.224	-	182.722.101.741	-
	184.363.251.224	-	182.722.101.741	-

Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bệnh viện Việt Đức	180.388.699.885	-	176.769.817.646	-
Thí công Bể bơi CT11 CT12	1.565.212.535	-	1.564.711.327	-
Các công trình khác	2.409.338.804	-	4.387.572.768	-
	184.363.251.224	-	182.722.101.741	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	257.209.284	3.421.163.420
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	32.511.250.000
	32.768.459.284	35.932.413.420

(*) Đây là phần còn lại của khoản thanh toán 77.025.500.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/06/2010 giữa Công ty CP Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty CP Hồng Hà Việt Nam) và ông Nguyễn Tất Lạc để mua lại 20% vốn góp của ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group).

Theo biên bản số 10/2015/BB - HĐQT ngày 25/12/2015 của Hội đồng quản trị Công ty CP Hồng Hà Việt Nam thì số tiền này được đánh giá là một khoản tổn thất. Vì vậy, Công ty đã phân bổ một phần khoản tổn thất này vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2015 và 2016 với số tiền lũy kế là 44.511.250.000 VND. Từ năm 2017 đến nay, Công ty đã dừng phân bổ khoản tổn thất này.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	9.852.924.557	6.337.024.753	768.524.203	16.958.473.513
- Thanh lý, nhượng bán	(9.852.924.557)	(885.406.571)	(42.727.273)	(10.781.058.401)
Số dư cuối kỳ	-	5.451.618.182	725.796.930	6.177.415.112
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	7.069.090.286	5.679.851.771	708.620.203	13.457.562.260
- Khấu hao trong kỳ	228.341.856	88.188.782	10.566.000	327.096.638
- Thanh lý, nhượng bán	(7.297.432.142)	(885.406.571)	(42.727.273)	(8.225.565.986)
Số dư cuối kỳ	-	4.882.633.982	676.458.930	5.559.092.912
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	2.783.834.271	657.172.982	59.904.000	3.500.911.253
Tại ngày cuối kỳ	-	568.984.200	49.338.000	618.322.200

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.440.537.112 VND.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Căn hộ chung cư	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	6.765.951.708	6.765.951.708
Số dư cuối kỳ	6.765.951.708	6.765.951.708
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	100.984.000	100.984.000
- Khấu hao trong kỳ	75.738.000	75.738.000
Số dư cuối kỳ	176.722.000	176.722.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	6.664.967.708	6.664.967.708
Tại ngày cuối kỳ	6.589.229.708	6.589.229.708

Bất động sản đầu tư của Công ty là 3 căn hộ phòng 1601,1610 và 1702 tại Chung cư CT13, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, có diện tích lần lượt là 109,99 m², 76,97 m² và 101,14 m². Nguyên giá lần lượt là 2.374.883.292 VND, 2.036.182.523 VND và 2.354.885.893 VND. Giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2022 lần lượt là 62.034.000 VND, 53.186.000 VND và 61.502.000 VND, giá trị còn lại tại 30/06/2022 lần lượt là 2.312.849.292 VND, 1.982.996.523 VND và 2.293.383.893 VND

Trong 6 tháng đầu năm, doanh thu phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư là 128.071.977 VND (trong đó căn hộ 1601 là 43.636.362 VND, căn hộ 1610 là 38.764.411 VND và căn hộ 1702 là 45.671.204 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá trị của các tài sản này. Ban giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	4.361.588.849	4.356.548.561
- Dự án Cao ốc văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	4.361.588.849	4.356.548.561
	<u>4.361.588.849</u>	<u>4.356.548.561</u>

Dự án: Cao ốc văn phòng 407 Nguyễn An Ninh - Phường 9 - Thành phố Vũng Tàu

- Chủ đầu tư: Công ty CP Hồng Hà Việt Nam;
- Địa điểm xây dựng: 407 Nguyễn An Ninh - Phường 9 - Thành phố Vũng Tàu
- Mục đích xây dựng: Xây dựng 01 khối chung cư cao 15 tầng;
- Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án: 61 tỷ đồng;
- Tiến độ thực hiện dự án tại ngày 30/06/2022: Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, hiện đang tạm dừng để xin cấp phép thay đổi mục đích sử dụng đất.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	8.893.211.949	8.893.211.949	8.893.211.949	8.893.211.949
Công ty TNHH Kiến trúc Apic	6.258.650.229	6.258.650.229	6.258.650.229	6.258.650.229
Công ty CP Constrexim Bắc Hà	-	-	10.072.379.810	10.072.379.810
Công ty CP Đầu tư Xây dựng phát triển nhà Vạn Xuân	-	-	9.863.565.778	9.863.565.778
Các đối tượng khác	44.281.188.169	44.281.188.169	46.012.063.686	46.012.063.686
	<u>59.433.050.347</u>	<u>59.433.050.347</u>	<u>81.099.871.452</u>	<u>81.099.871.452</u>
b) Dài hạn				
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	8.296.908.204	-	8.296.908.204	-
Ông Lưu Hoàng Long	2.012.500.000	-	2.012.500.000	-
	<u>10.309.408.204</u>	<u>-</u>	<u>10.309.408.204</u>	<u>-</u>
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	<u>8.741.695.287</u>	<u>8.741.695.287</u>	<u>8.635.442.245</u>	<u>8.635.442.245</u>
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)				

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bệnh viện Việt Đức (i)	174.245.119.000	174.245.119.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	2.000.000.000	4.000.000.000
Các đối tượng khác	17.850.166	8.000.000
	<u>176.262.969.166</u>	<u>178.253.119.000</u>
b) Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	<u>2.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)		

(i) Khoản trả trước theo Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XDVEĐ-01 ngày 24/02/2015. (Xem thêm Thuyết minh 10)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	139.440.000	-	-	-	139.440.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.422.408	-	-	-	13.422.408	-
Thuế thu nhập cá nhân	81.727.804	-	44.912.670	-	36.815.134	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	5.118.281	5.118.281	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	234.590.212	-	53.030.951	8.118.281	189.677.542	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	811.060.768	778.354.768
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	192.222.283	29.000.000
Cổ tức lợi nhuận phải trả	671.181.000	671.181.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.902.791.291	9.038.537.837
- Chi phí lãi vay	147.269.000	143.893.000
- Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	210.092.057	8.260.698.653
- Tiền bán xe ô tô	1.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	545.430.234	633.946.184
	<u>3.577.255.342</u>	<u>10.517.073.605</u>
b) Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	664.796.000	664.796.000
- Chi phí lãi vay	4.704.000	4.704.000
- Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	660.092.000	660.092.000
	<u>664.796.000</u>	<u>664.796.000</u>

19. VAY

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	27.282.659.955	27.282.659.955	400.000.000	27.682.659.955	-	-
	<u>27.282.659.955</u>	<u>27.282.659.955</u>	<u>400.000.000</u>	<u>27.682.659.955</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	3.900.000.000	3.900.000.000	-	200.000.000	3.700.000.000	3.700.000.000
	<u>3.900.000.000</u>	<u>3.900.000.000</u>	<u>-</u>	<u>200.000.000</u>	<u>3.700.000.000</u>	<u>3.700.000.000</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-			-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>3.900.000.000</u>	<u>3.900.000.000</u>			<u>3.700.000.000</u>	<u>3.700.000.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và cá nhân của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2022	01/01/2022
							VND	VND
Vay ngắn hạn							-	27.282.659.955
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	VND	Thả nổi	6 tháng	2022	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	-	27.282.659.955
							<u>-</u>	<u>27.282.659.955</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2022	01/01/2022
							VND	VND
Vay dài hạn							-	200.000.000
Ông Phạm Tiến Đạt	VND	0,00%	2 năm	2022	Bổ sung vốn kinh doanh	Tín chấp	-	200.000.000
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội ⁽¹⁾	VND	0,00%	4 năm	2023	Phục vụ thi công công trình CT11 Khu Đô thị mới Tứ Hiệp	Tín chấp	3.700.000.000	3.700.000.000
							<u>3.700.000.000</u>	<u>3.900.000.000</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng							-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng							<u>3.700.000.000</u>	<u>3.900.000.000</u>

⁽¹⁾ Hợp đồng vay vốn ngày 10/02/2020 mục đích sử dụng vốn lưu động phục vụ thi công Công trình CT11 Khu đô thị mới Tứ Hiệp, thời hạn vay tối đa 02 tháng, lãi suất cho vay 0,3%/năm đã ký phụ lục hợp đồng vay vốn gia hạn khoản vay đến 31/12/2023, lãi suất cho vay kể từ ngày 01/07/2020 là 0%/năm.

Các khoản vay đối với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	30/06/2022		01/01/2022	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay		3.700.000.000	66.774.000	3.900.000.000	63.398.000
- Ông Phạm Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	-	-	200.000.000	-
- Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	3.700.000.000	4.704.000	3.700.000.000	4.704.000
- Ông Lê Vinh Việt	Thành viên HĐQT	-	58.694.000	-	58.694.000
- Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	3.376.000	-	-
		3.700.000.000	66.774.000	3.900.000.000	63.398.000

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.897.888.303	4.232.251.900	(15.659.480.706)	251.049.431.920
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	986.947.348	986.947.348
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.897.888.303	4.232.251.900	(14.672.533.358)	252.036.379.268
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.897.888.303	4.232.251.900	(24.154.881.906)	242.554.030.720
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	16.532.650.728	16.532.650.728
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.897.888.303	4.232.251.900	(7.622.231.178)	259.086.681.448

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim (CIC)	-	0,00%	37.300.000.000	18,65%
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	35.756.000.000	17,88%	35.756.000.000	17,88%
Ông Nguyễn Tuấn Anh	28.711.600.000	14,36%	-	0,00%
Bà Trương Mỹ Hạnh	25.114.960.000	12,56%	2.011.496.000	1,01%
Bà Nguyễn Thị Thúy Huyền	24.867.700.000	12,43%	2.296.770.000	1,15%
Vốn góp tương đương cổ phiếu quỹ	1.900.000.000	0,95%	1.900.000.000	0,95%
Các cổ đông khác	83.649.740.000	41,82%	120.735.734.000	60,37%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	671.181.000	671.181.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	671.181.000	671.181.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.900.000	1.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.900.000	1.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.100.000	18.100.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	23.897.888.303	23.897.888.303
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	4.232.251.900
	28.130.140.203	28.130.140.203

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài:

Công ty thuê văn phòng tại địa chỉ Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội để làm văn phòng theo Hợp đồng thuê văn phòng số 01A/2021/HĐ-THHHDK-HHVN ngày 02/01/2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 15/03/2022 với Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí. Theo hợp đồng nêu trên Công ty phải trả tiền thuê hàng kỳ là 52.000.000 VND/tháng.

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	(71.290.909)	40.512.265.515
Doanh thu dịch vụ cho thuê tài sản	1.740.408.958	3.528.904.858
	<u>1.669.118.049</u>	<u>44.041.170.373</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	-	2.233.059.091

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	-	37.636.185.196
Giá vốn dịch vụ cho thuê tài sản	1.804.105.256	2.577.163.661
	<u>1.804.105.256</u>	<u>40.213.348.857</u>
Trong đó: Giá vốn đối với các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	266.724.205	6.747.061.439

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	352.196.281	39.724.717
Chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí (i)	15.708.308.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.000.000	80.000.000
	<u>16.160.504.281</u>	<u>119.724.717</u>

(i) Thu nhập từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại công ty con (xem thuyết minh 04)

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	297.711.721	472.639.516
	297.711.721	472.639.516

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.627.334.900	1.008.309.509
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	111.644.081	143.854.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.754.782	411.678.600
Thuế, phí và lệ phí	3.077.993	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.307.291.658	927.556.479
	3.148.103.414	2.494.398.943
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	286.222.332	471.000.000

27. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	267.507.585	42.039.313
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ xây dựng, văn phòng (i)	8.033.276.601	-
Thu nhập khác	746.827.000	-
	9.047.611.186	42.039.313

(i) Tiền thu từ bán thanh lý công cụ dụng cụ xây dựng đã qua sử dụng.

28. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ bị mất, thanh lý	4.613.942.086	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.341.856	-
Tiền phạt, chậm nộp thuế	-	35.599.739
Các khoản khác	252.378.455	-
	5.094.662.397	35.599.739

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	16.532.650.728	986.947.348
Các khoản điều chỉnh tăng	228.341.856	35.599.739
- Chi phí không được trừ	228.341.856	35.599.739
Chuyển lỗ các năm trước	(16.760.992.584)	(1.022.547.087)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(13.422.408)	(13.422.408)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(13.422.408)	(13.422.408)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	33.564.737.528
Chi phí nhân công	3.481.051.861	1.294.589.605
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	111.644.081	143.854.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.492.782	1.504.685.623
Thuế, phí và lệ phí	3.077.993	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.792.345.402	6.978.195.907
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	8.562.612.119	43.489.063.018

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	20.061.183.969	-	5.230.701.390	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.306.484.334	(6.025.555.900)	74.449.566.274	(6.025.555.900)
Các khoản cho vay	56.500.000.000	(55.000.000.000)	55.000.000.000	(55.000.000.000)
Tổng tài sản tài chính	101.867.668.303	(61.025.555.900)	134.680.267.664	(61.025.555.900)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	3.700.000.000	31.182.659.955
Phải trả người bán, phải trả khác	73.984.509.893	102.591.149.261
Chi phí phải trả	-	95.773.370
	<u>77.684.509.893</u>	<u>133.869.582.586</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.061.183.969	-	-	20.061.183.969
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.280.928.434	-	-	19.280.928.434
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000
	40.842.112.403	-	-	40.842.112.403
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.230.701.390	-	-	5.230.701.390
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.424.010.374	-	-	68.424.010.374
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	73.654.711.764	-	-	73.654.711.764

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Vay và nợ	-	3.700.000.000	-	3.700.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	63.010.305.689	10.974.204.204	-	73.984.509.893
	63.010.305.689	14.674.204.204	-	77.684.509.893
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	27.282.659.955	3.900.000.000	-	31.182.659.955
Phải trả người bán, phải trả khác	91.616.945.057	10.974.204.204	-	102.591.149.261
Chi phí phải trả	95.773.370	-	-	95.773.370
	118.995.378.382	14.874.204.204	-	133.869.582.586

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con đến ngày 30/06/2022, sau đó là Công ty liên kết
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	Công ty liên kết

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 19)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>6 tháng đầu năm 2022</u>	<u>6 tháng đầu năm 2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	-	2.233.059.091
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	-	2.233.059.091
Mua hàng hóa dịch vụ	552.946.537	7.218.061.439
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	150.946.537	154.705.919
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	402.000.000	7.063.355.520
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.146.368.729	1.312.323.181
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	1.146.368.729	1.312.323.181
Phải trả cho người bán ngắn hạn	444.787.083	338.534.041
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	444.787.083	338.534.041
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	2.000.000.000	4.000.000.000
Phải trả cho người bán dài hạn	8.296.908.204	8.296.908.204
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	8.296.908.204	8.296.908.204


Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:


	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thúy Huyền	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	10.000.000
Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch HĐQT miễn nhiệm ngày 28/04/2021	-	20.000.000
Ông Lê Vinh Việt	Phó Chủ tịch HĐQT miễn nhiệm ngày 12/05/2022 kiêm Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 15/02/2022	20.000.000	141.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 15/02/2022	70.500.000	10.000.000
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 01/08/2022	84.225.000	242.000.000
Ông Phạm Tiến Đạt	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc	120.871.000	232.000.000
Ông Hán Công Khanh	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 28/04/2021	-	20.000.000
Ông Cao Tiến Lam Giang	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 20/03/2022	28.261.000	31.000.000
Ông Đỗ Quang Thuận	Trưởng ban kiểm soát miễn nhiệm ngày 12/05/2022	8.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng ban kiểm soát bổ nhiệm ngày 12/05/2022	4.000.000	-
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên BKS miễn nhiệm ngày 12/05/2022	8.000.000	12.000.000
Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên BKS	12.000.000	4.000.000
Bà Trương Mỹ Hạnh	Thành viên BKS bổ nhiệm ngày 12/05/2022	4.000.000	-



Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.


Nguyễn Thị Hoa Vinh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hoa Vinh
Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022